

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **63/2022/DS-ST**

Ngày: 25/3/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Minh**

2. Bà **Huỳnh Thị Ngọc Thuận**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đông** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 28/02/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 11/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 36/1, tổ 12, ấp TH, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Phạm Phi D**, sinh năm 2001;

Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị H, anh D)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 29/10/2021, bản tự khai ngày 16/12/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Ngày 12/10/2019, chị có cho Phạm Phi D vay số tiền 3.000.000đồng, đôi bên có làm giấy biên nhận, ghi nhận khoản vay này, nội dung được thể hiện trên giấy cầm đồ NH. Thời gian trả là 01 tháng. Tuy biên nhận không thể hiện lãi suất, nhưng đôi bên thừa nhận lãi suất là 8%/tháng. Khoản vay này anh D có đóng lãi cho chị 01 tháng là 240.000đồng. Vì lẽ đó, đến ngày 10/11/2019, chị đồng ý cho anh D vay thêm 14.800.000đồng. Đôi bên có làm Bản hợp đồng cho mượn tiền ngày 10/11/2019. Thời hạn trả là 30 ngày kể từ ngày vay, cũng với lãi suất như trên.

Như vậy, tổng cộng anh D đã vay của chị là 17.800.000đồng, kể từ lần vay tiền thứ hai này, anh D không trả lãi cũng như nợ gốc cho chị. Để đảm bảo khoản vay, anh D có đưa cho chị 01 (một) sổ Bảo hiểm xã hội mang tên Phạm Phi D, mã số 8222917434 để làm tin, đôi bên có thống nhất với nhau khi nào anh D trả đủ nợ gốc và lãi cho chị thì chị trả lại sổ bảo hiểm nói trên cho anh.

Nhiều lần chị có tìm gặp anh D để yêu cầu anh trả nợ gốc và lãi cho chị, nhưng không được. Nay chị yêu cầu anh D trả lại cho chị 17.800.000đồng tiền nợ gốc và tiền lãi trên số nợ gốc này theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 10/12/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Yêu cầu trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngay khi anh D trả đủ tiền nợ gốc và lãi cho chị, chị sẽ trả lại bản chính sổ bảo hiểm xã hội cho anh D.

* Tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, bị đơn đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên hòa giải, công khai chứng cứ và tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn cũng không có bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đòi bị đơn trả cho nguyên đơn 17.800.000đồng tiền nợ gốc, đối với khoản tiền lãi nguyên đơn xác định lãi sẽ được tính trên số nợ gốc này, thời gian tính lãi là từ ngày 12/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm; về lãi suất vì các bên không thống nhất nên chị yêu cầu Tòa xác định theo quy định pháp luật.

- Bị đơn trình bày, anh có vay chị H hai lần tiền với thời gian như trong biên nhận và bản hợp đồng ghi nhận, tuy nhiên để vay tiền được lần thứ hai từ

chị H, anh đã trả xong 3.000.000đồng khoản vay của lần thứ nhất. Hơn nữa, lần thứ hai anh chỉ vay chị H 10.000.000đồng, nhưng chị H yêu cầu anh ghi 14.800.000đồng. Anh thừa nhận nội dung vay nợ và chữ viết, chữ ký trong Biên nhận và bản hợp đồng là do anh viết, anh sửa. Đối với lãi suất, do lâu quá anh không nhớ rõ, nhưng anh trình bày kể từ ngày vay tiền lần hai, tháng nào anh cũng có đóng lãi cho chị H là 800.000đồng, còn lãi bao nhiêu phần trăm anh không nhớ. Nay với yêu cầu khởi kiện của chị H, anh chỉ đồng ý trả 10.000.000đồng nợ vay, còn lãi anh yêu cầu xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

[3] - Về nội dung yêu cầu:

[3.1] Tại phiên tòa hôm nay, tuy bị đơn thừa nhận còn nợ tiền nguyên đơn, nhưng các bên trình bày không thống nhất về số nợ gốc, về khoản lãi được tính trên số nợ gốc và thời gian đóng lãi trên nợ gốc. Nguyên đơn đã cung cấp được những tài liệu, chứng cứ chứng minh bị đơn có vay của nguyên đơn hai lần tiền, tổng cộng là 17.800.000đồng (bút lục 16, bút lục 17). Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền này cho nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ được quy định tại Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Đối với khoản tiền lãi trên số nợ gốc, theo lời trình bày của bị đơn hàng tháng có trả lãi cho nguyên đơn là 800.000đồng, nếu tính trên số nợ gốc 17.800.000đồng thì lãi suất chưa tới 8%/tháng. Do lời trình bày của các bên không thống nhất về lãi suất cho vay, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2

Điều 468 Bộ luật Dân sự để áp dụng mức lãi suất trong trường hợp này là 10%/năm (tương đương 0.833%/tháng).

Thời gian tính lãi, xét thấy lần thứ hai anh D vay nợ của chị H là vào ngày 10/11/2019, thời hạn vay là 01 tháng, chị H và anh D đều thống nhất lấy mốc thời gian tính lãi vay là từ ngày 12/01/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, tính tròn tháng, lãi được tính trên số nợ gốc là 17.800.000đồng, đây là sự tự nguyện của các bên đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, khoản lãi mà anh D phải trả cho chị H là: $0.833\%/tháng \times 26 \text{ tháng} \times 17.800.000\text{đồng} = 3.855.000 \text{ đồng}$ (tính số tròn).

Từ những phân tích trên, xét toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H là hoàn toàn có căn cứ được quy định tại Điều 463, Khoản 1 và Khoản 5 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh D trả cho chị H 21.655.000đồng (trong đó nợ gốc 17.800.000đồng, nợ lãi là 3.855.000đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị H đồng ý cho anh D trả dần số nợ gốc và lãi trên, trả hàng tháng với số tiền là 3.000.000đồng, bắt đầu trả vào ngày 10/4/2022, trả liên tiếp nhiều tháng cho đến khi trả xong nợ gốc và lãi. Đồng thời, hai bên thống nhất, khi anh D trả xong nợ gốc và lãi cho chị H, thì chị sẽ trả lại bản chính 01 (một) sổ Bảo hiểm xã hội mang tên Phạm Phi D, mã số 8222917434 cho anh D. Đây là sự tự nguyện của đương sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] - Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận toàn bộ, nên căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh D phải chịu án phí là 1.083.000đồng (tính số tròn).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 244; Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Khoản 1 và Khoản 5 Điều 466 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy H.

Buộc anh Phạm Phi D trả cho chị Nguyễn Thị Thúy H số tiền 21.655.000đồng (trong đó nợ gốc 17.800.000đồng, nợ lãi là 3.855.000đồng). Cách thức trả: Trả dần hàng tháng với số tiền 3.000.000đồng, trả liên tiếp trong nhiều tháng, bắt đầu trả từ ngày 10/4/2022 cho đến khi trả xong nợ gốc và lãi.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh D, ngay khi anh D trả đủ cho chị H khoản nợ gốc và lãi nói trên, thì chị H sẽ trả lại cho anh D bản chính 01 (một) sổ bảo hiểm xã hội mang tên Phạm Phi D, mã số 8222917434.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D chậm thi hành khoản tiền mà anh còn chưa trả cho chị H thì anh D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh D phải chịu 1.083.000đồng.

Hoàn lại cho chị H 608.000đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003632 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Châu Thành.
- Chi cục THADS.HCT.
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**ĐÃ KÝ
HUỲNH THỊ TRÚC MAI**